

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-02-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;
2. Ông Lê Anh Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T – sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp HP xã HT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Cao Văn N – sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp HP, xã HT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T có mặt tại phiên tòa;

Ông N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông N cưới nhau vào năm 1984, do tự nguyện. Đến

năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, bà và ông N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 1997, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác, đồng thời giữa bà và ông N có mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến giữa bà và gia đình ông N cũng phát sinh mâu thuẫn nên bà và gia đình của ông N đã cắt đứt quan hệ từ năm 2000. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, bà và ông N vẫn tiếp tục sống chung nhà nhưng vợ chồng bà đã ly thân không quan tâm đến nhau và mạnh ai nấy sống. Nay bà không còn tình cảm với ông N nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Thế H– sinh năm 1988 và Cao Khánh C – sinh năm 1997. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông N đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung; Không có.

* Bị đơn ông N vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung, hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà và ông N đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Thuý yêu cầu được ly hôn với ông N, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N không đến tham dự phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Thuý đối với ông N, Hội đồng xét xử xét thấy bà T và anh N tự nguyện cưới nhau vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Quá trình bà T và ông N chung sống đến năm 1997 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ông bà vẫn tiếp tục sống chung nhà với nhau nhưng hai người đã ly thân và không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông N phát sinh trong thời gian dài nhưng cho đến nay vẫn chưa giải quyết được mâu thuẫn, mặc dù ông bà sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và ông bà đã ly thân từ năm 1997 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N nhưng ông N không đến tham dự phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T chứng tỏ ông N không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông N có 02 con chung tên Cao Thế H – sinh năm 1988 và Cao Khánh C– sinh năm 1997. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà T trình bày giữa bà và ông N đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T trình bày giữa bà và ông N không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Cao Văn N.

Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Cao Văn N.

2/ Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0005211 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên bà T đã thi hành xong.

4/ Bà T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo, TG;
- UBND xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh